

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21-12-2021
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Hoa

Ông Nguyễn Trường Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đinh Phú Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc: Ly hôn. Theo quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có mặt)

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Tôi và anh Hoàng Văn B kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 13/04/1996 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh B không chịu làm ăn gì cả, chơi bời từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nữa và chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng

7/2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh B.

Về con chung: Các cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu của anh B tại thôn H, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, hiện nay anh B vẫn có mặt tại địa phương. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho anh B. Anh B đã trực tiếp nhận và biết được việc chị T đang xin ly hôn anh nhưng anh B cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh B. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký ngày 13/04/1996 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị T cho rằng do anh B không chịu làm ăn gì cả, chơi bời từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nữa và anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 7/2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị T xin ly hôn anh B là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Xác minh tại địa phương cho thấy chị T và anh B mâu thuẫn có xảy ra. Mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến chị T không còn tình cảm với anh B nữa. Hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị T được ly hôn anh B là có căn cứ.

[4] Về con chung: Các cháu đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; Điều 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn B.

2. Về con chung: Các cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0001268 ngày 12/10/2021 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã C, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng